| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 06 /2023/NQ-HĐND | *Lạng Sơn, ngày 14 tháng 7 năm 2023* |

# NGHỊ QUYẾT
## Quy định nội dung chi và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
## KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Tư pháp.

b) Phòng Tư pháp các huyện, thành phố.

c) Các cơ quan, đơn vị khác có nhiệm vụ giúp cơ quan, người có trách nhiệm rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch.

**Điều 2. Nội dung chi và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

1. Nội dung chi và mức chi: Chi tiết như Phụ lục đính kèm.

2. Trường hợp các văn bản quy định về nội dung chi và mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được áp dụng nội dung chi và mức chi tại Nghị quyết này để thực hiện hoạt động tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và rà soát văn bản quy phạm pháp luật khi phát sinh căn cứ rà soát theo quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

**Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật**

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Đối với hoạt động tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này sử dụng từ nguồn kinh phí chi hoạt động

thường xuyên của cơ quan thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

**Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với kinh phí kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật năm 2023, các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng trong phạm vi dự toán kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 68/2011/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVII, kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2023./.

***Nơi nhận:***
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lạng Sơn, Đài PTTH Lạng Sơn, Cổng thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn, Công báo Lạng Sơn;
- Lưu: VT, HSKH.

**CHỦ TỊCH**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

**Đoàn Thị Hậu**

# PHỤ LỤC

**Nội dung chi và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

## I. CÁC NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI TRONG KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THỰC HIỆN THEO CÁC CHẾ ĐỘ, TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC CHI TIÊU TÀI CHÍNH HIỆN HÀNH

| STT | Nội dung chi | Mức chi |
|---|---|---|
| 1 | Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước (bao gồm cả cộng tác viên, thành viên tham gia các đoàn kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - sau đây gọi tắt là văn bản; đoàn kiểm tra công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản) | Thực hiện theo Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. |
| 2 | Chi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và đội ngũ cộng tác viên | Thực hiện theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. |
| 3 | Chi tổ chức hội thi về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản | Thực hiện theo Nghị quyết số 163/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số mức chi kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn |
| 4 | Chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản | Thực hiện theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra, thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn |

| STT | Nội dung chi | Mức chi |
|---|---|---|
| 5 | Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản | Thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng |
| 6 | Chi hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản | Thực hiện theo hợp đồng giữa các bên và quy định của Bộ luật Dân sự về hợp đồng |
| 7 | Chi báo cáo về rà soát các văn bản có liên quan đến dự thảo văn bản | Thực hiện theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn |

## II. CÁC NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ TRONG KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| STT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Mức chi | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | |
| 1 | Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản | | | | | |
| a | Chủ trì cuộc họp | Người/buổi | 150 | 100 | 70 | |

| STT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Mức chi | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | |
| b | Các thành viên tham dự | Người/buổi | 100 | 70 | 50 | |
| 2 | Chi lấy ý kiến chuyên gia theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | 01 văn bản | 1.000 | 800 | - | Văn bản được xin ý kiến |
| 3 | Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản | | | | | |
| a | Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản (bao gồm cả báo cáo tổng hợp và báo cáo của từng cơ quan nhà nước ở địa phương) | 01 báo cáo | | | | |
| - | Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh | 01 báo cáo | 3.500 | - | - | |
| - | Báo cáo của các sở, ban, ngành tỉnh; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập | 01 báo cáo | 1.500 | | - | |
| - | Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện | | - | 1.000 | - | |
| - | Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân | 01 báo cáo | - | 500 | | |

| STT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Mức chi | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | |
| | dân cấp huyện quyết định thành lập | | | | | |
| - | Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã | | - | - | 300 | |
| b | Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp | 01 báo cáo | 300 | 200 | 150 | |
| 4 | Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp tại điểm b khoản 3 mục II Phụ lục này). | | 600 | 300 | 200 | Tính 01 lần chỉnh lý |
| 5 | Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP | 01 văn bản | | | | |
| a | Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật | | 150 | 100 | - | |
| b | Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật | | 300 | 200 | - | |
| 6 | Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội | 01 văn bản | 150 | 120 | 100 | |
| 7 | Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản theo hợp đồng khoán việc | 01 văn bản | | | | |

| STT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Mức chi | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | |
| a | Mức chi chung | | 200 | 120 | - | |
| b | Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp | | 400 | 250 | - | |
| 8 | Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản theo hợp đồng khoán việc | 01 văn bản | 200 | 150 | - | |
| 9 | Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP | 01 văn bản | 100 | 70 | - | |
| 10 | Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản | | | | | |
| a | Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản | 01 văn bản | 100 | 70 | - | |
| b | Chi thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản | | | | | |
| - | Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí | 01 tài liệu (01 văn bản) | Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp | | | |

| STT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Mức chi | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | |
| - | Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn (khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo) | 01 tài liệu (01 văn bản) | 70 | 50 | - | |
| 11 | Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng | | Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp | | | |
| 12 | Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản | | Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp | | | |
| 13 | Chi làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản | | Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí. | | | |